

Số: 21 /2017/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng
đường bộ để kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 132/TTr-SGTVT ngày 23 tháng 6 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:



Quyết định này quy định giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, kinh doanh và sử dụng dịch vụ đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Các đối tượng miễn giá dịch vụ sử dụng đường bộ

1. Xe cứu thương đi làm nhiệm vụ, bao gồm các loại xe khác chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu; xe cứu hỏa đi làm nhiệm vụ; đoàn xe đưa tang; đoàn xe có xe hộ tống dẫn đường.

2. Các loại xe máy chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như: Máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa, máy gặt đập liên hợp,...

3. Xe hộ đê đi làm nhiệm vụ, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão.

4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

5. Xe ô tô của lực lượng Công an, quốc phòng sử dụng vé “Phí đường bộ toàn quốc”.

6. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa hoặc đến vùng có dịch bệnh theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.

7. Học sinh, giáo viên, cán bộ sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện thường xuyên có nhu cầu đi qua; cán bộ xã, ấp tại nơi tổ chức thu dịch vụ.

8. Người đi bộ và xe đạp các loại.

Điều 3. Giá tối đa đối với các dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh

STT	Phương tiện	Mức giá tối đa (đồng/lượt)
1	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe máy điện, xe gắn máy và các loại xe tương tự	2.000
2	Xe lam, máy kéo	6.000
3	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 02 tấn và các loại xe buýt vận tải khách công cộng	15.000

4	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi (tải trọng dưới 05 tấn), xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	20.000
5	Xe tải có tải trọng từ 04 tấn đến 05 tấn	30.000

Ghi chú: Tải trọng của từng phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế (trọng tải hàng hóa), căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 4. Một số quy định cụ thể

1. Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ tại Điều 3 của Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Khi các yếu tố hình thành giá trong nước có biến động ảnh hưởng đến phương án tài chính của dự án thì nhà đầu tư, doanh nghiệp kiến nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét, điều chỉnh mức giá tối đa trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật về giá.

3. Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng đường bộ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp thống nhất trong hợp đồng đối với từng dự án cụ thể nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

4. Vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ áp dụng đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm được in mệnh giá theo mức thu cho một lần sử dụng dịch vụ tương ứng với từng phương tiện; vé bán theo phương tiện tương ứng với giá in trên vé, không ghi biển số phương tiện.

5. Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng vé thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ vừa là chứng từ kiểm soát khi phương tiện đi qua trạm, vừa là chứng từ thanh toán.

6. Các tổ chức, cá nhân thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ có trách nhiệm niêm yết giá tại hai đầu dự án, tại trạm thu phí và thu đúng giá niêm yết.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành: Tài chính, Cục Thuế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

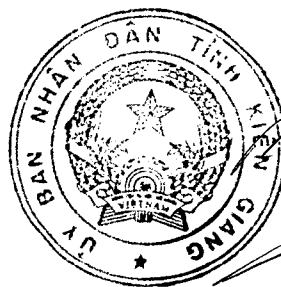
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định giá dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SGTVT (05b), tthuy (01b). 236

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

www.LuatVietnam.vn

